

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG BÔNG
TỈNH ĐẮK LẮK**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 27/2022/DS-ST

Ngày: 29/9/2022

*V/v: Tranh chấp hợp đồng mua
bán tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÔNG, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Huế

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thường và ông Y Lợi Ê Ban

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Tấn Duy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Krông Bông tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Niêm- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Bông xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự sơ thẩm thụ lý số: 42/2022/TLST- DS ngày 01 tháng 4 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2022/QĐXX-DS ngày 23 tháng 9 năm 2022; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 12 ngày 29/8/2022 và Thông báo mở phiên tòa số 42 ngày 23/9/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Thanh T (có mặt)

Địa chỉ: Thôn A, DK, KB, Đắk Lắk .

Bị đơn: Nguyễn Văn M và Đặng Thị T (có mặt)

Đồng trú tại: Thôn B, DK, KB, Đắk Lắk

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thị P (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn A, DK, KB, tỉnh Đắk Lắk

Đại diện theo uỷ quyền của bà Trần Thị P: Ông Trần Thanh T (có mặt)
Địa chỉ: Thôn A, DK, KB, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên toà ngày hôm nay, nguyên đơn - ông Trần Thanh T trình bày: Vào năm 2007 gia đình tôi làm đại lý bán phân bón và thức ăn gia súc. Có bán cho vợ chồng ông M và bà T phân bón, giống cây trồng, thuốc trừ sâu và thức ăn gia súc. Đến ngày 15/12/2009, vợ chồng ông M – bà T nợ vợ chồng tôi tiền phân là 6.027.000 đồng và 1.071.000 đồng tiền lãi. Tổng cộng là 7.098.000 đồng ; Đến ngày 27/12/2016, nợ tiền cám thức ăn gia súc là 3.466.000 đồng.

Chúng tôi thoả thuận miệng với nhau là cứ 01 năm thì chót nợ 01 lần, nếu bên mua không trả nợ thì sẽ tính lãi đối với số tiền hàng chưa trả theo lãi suất ngân hàng, tôi chỉ yêu cầu tính lãi số tiền phân bón, thuốc trừ sâu, giống cây trồng.

Nhiều lần, vợ chồng tôi đến nhà ông M – bà T đòi nợ nhưng họ cố tình không chịu trả.

Đến ngày 17/01/2021, thì bà T viết giấy khất nợ vợ chồng tôi số tiền phân bón, giống cây trồng, thuốc trừ sâu là 7.098.000 đồng, trong đó 6.027.000 đồng tiền mua bán hàng hoá còn tiền lãi phát sinh là 1.071.000 đ tính đến 15/12/2009.

Đối với tiền cám, thức ăn gia súc chót nợ tôi số tiền 3.466.000 đồng và không tính lãi. Đồng thời, bà T đề nghị trả cho vợ chồng tôi làm hai đến ba năm nhưng vợ chồng tôi không đồng ý và yêu cầu Toà án giải quyết : Buộc ông M – bà T trả cho vợ chồng tôi số tiền tổng cộng là : 21.049.816 đồng. Năm 2020, ông T – bà M trả cho vợ chồng tôi số tiền 2.000.000 đồng. Như vậy còn lại 19.049.816 đồng phải trả cho vợ chồng tôi. Trong đó, tiền hàng là (6.027.000 đ + 3.466.000 đ) = 9.493.000đồng. Tiền lãi phát sinh là 19.049.816đ - 9.493.000đ = 9.556.816 đồng.

Về tiền lãi: Tôi yêu cầu tính lãi số tiền 7.098.000 đồng từ ngày 15/12/2009 đến ngày xét xử 29/9/2022 với lãi suất 0,83%/ tháng . Tiền cám, thức ăn gia súc tính lãi từ ngày 17/01/2021 đến ngày xét xử 29/9/2022 với lãi suất 0.83%/tháng.

Tại bản tự khai ngày 22/02/2022 và tại các buổi hoà giải tại Toà án, bà Đặng Thị T và ông Nguyễn Văn M trình bày: Năm 2011, gia đình tôi có mua hàng hoá gồm phân bón, giống cây trồng, thuốc trừ sâu và cám thức ăn gia súc tại cửa hàng nhà ông Trần Thanh T và bà Trần Thị P và còn nợ tiền phân bón, giống cây trồng, thức ăn gia súc số tiền là 4.114.000 đồng. Sổ sách do nhà ông Tùng ghi.

Năm 2016 vợ chồng tôi còn nợ lại tiền cám thức ăn gia súc là 3.466.000 đồng. Do điều kiện gia đình tôi quá khó khăn nên không trả được nợ cho ông T - bà P. Do vậy, đến ngày 17/01/2021, ông T – bà P đến nhà tôi hốt cả phê gia đình tôi đang phơi trong sân để trừ nợ, tôi phải gọi công an xã đến giải quyết, ông T – bà P không hốt cả phê của gia đình tôi nữa và con gái tôi là Nguyễn Thị T viết giấy khất nợ, tôi đã ký vào giấy khất nợ này, tính tổng số tiền tôi nợ tiền phân bón, giống cây trồng, thuốc trừ sâu tại cửa hàng nhà ông T – bà P tính lên thành **7.098.000 đồng** (tiền này có cả tiền lãi) còn tiền cám thức ăn gia súc là 3.466.000 đồng (tiền này không tính lãi). Tổng cộng vợ chồng tôi nợ ông T – bà P tính đến ngày 17/01/2021 là 10.564.000 đồng. Năm 2020, vợ chồng tôi trả cho ông T – bà P được 2.000.000 đồng. Như vậy, vợ chồng tôi chỉ còn nợ ông T – bà P số tiền là 8.564.000 đồng. Vợ chồng tôi đồng ý tính lãi theo lãi suất 0,83% như ông Tùng yêu cầu, tính từ ngày 17/01/2021 đến ngày xét xử . Vợ chồng tôi chấp nhận trả cho ông T – bà P số tiền là 10.000.000 đồng, trong đó có 8.564.000 đồng gốc, số còn lại là lãi phát sinh. Vợ chồng tôi không đồng ý cách tính lãi của ông T. Chúng tôi cũng không thoả thuận sau một năm thì tính gộp lại tính lãi bởi vì khi ông T bán hàng hoá cho vợ chồng tôi, trong đấy đã có tính lãi. Cũng vì ông T – bà P tính lãi quá cao nên vợ chồng tôi mới không trả được nợ cho ông T – bà P.

Về án phí: Chúng tôi đồng ý nộp án phí theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, gia đình chúng tôi là hộ cận nghèo của địa phương, gia đình rất khó khăn, con đông nên chúng tôi đề nghị Hội đồng xét xử cho vợ chồng tôi được miễn, giảm tiền án phí theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai ngày 20/7/2022, Nguyễn Thị T trình bày: Vào ngày 17/01/2021, ông Trần Thanh T và bà Trần Thị P có vào nhà tôi để đòi nợ tiền phân và cám từ vài năm trước. Vì điều kiện gia đình quá khó khăn nên bố mẹ

tôi xin khất. Khi nào có tiền sẽ trả ngay. Tuy nhiên, vợ chồng ông T – bà P không chấp nhận và đòi phải trả ngay. Lúc này bố tôi không có nhà, mẹ tôi không có tiền, ông T – bà P cùng con trai mang bao ra đòi xúc cà phê của gia đình tôi đang phơi trên sân để trừ nợ, căn đủ nợ còn thừa sẽ trả lại, thiếu thì lấy thêm. Tôi và mẹ tôi chạy vào báo công an xã ra để giải quyết. Khi công an xã là anh Y D ra hoà giải hai bên thì tôi viết giấy khất nợ theo nội dung ông T đọc, tờ đầu ghi 2 màu mực, sau khi ghi xong mẹ tôi không đồng ý mới yêu cầu tôi viết lại. Khi về thì ông T cầm cả 2 tờ giấy này về . Trong cả hai tờ giấy này đều có chữ ký của mẹ tôi là Đặng Thị T.

Tại biên bản làm việc ngày 21/7/2022, anh Y D Byă, công an xã DK, KB cho biết: Sáng ngày 17/01/2021, khi tôi đang trực cơ quan thì bà Đặng Thị T chạy lên báo về việc ông T – bà P đến nhà bà để lấy cà phê . Tôi ra nhà bà T thì thấy nhiều người đang tập trung ở sân nhà bà M, trong đó có ông T, bà P, bà T, con gái bà T . Sau khi nghe các đương sự trình bày thì tôi trao đổi với các bên , xong con gái bà T lấy giấy bút ra viết giấy khất nợ ông T, bà P. Nội dung viết như thế nào tôi không biết vì lúc đấy ông T, bà P, bà T ngồi thoả thuận với nhau về số nợ và tính toán với nhau còn tôi ra sân đứng.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến nay, Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký, các đương sự đã chấp hành các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Theo ông T thì vào năm 2009, ông M – bà T mua phân bón, giống cây trồng, thuốc trừ sâu tại cửa hàng nhà ông T – bà P và còn nợ số tiền hàng là 6.027.000 đồng, tính đến ngày 15/12/2009, ông M – bà T còn nợ ông số tiền là **7.098.000** đồng, trong đó 6.027.000 đồng tiền hàng còn 1.071.000 đồng (tiền lãi tính đến ngày 15/12/2009). Còn bà T – ông M cho rằng, Toàn bộ sổ sách do ông T – bà P ghi, ông – bà chỉ nợ ông T – bà P số tiền là 4.114.000 đồng tiền mua phân bón, giống cây trồng, thuốc trừ sâu và 3.466.000 đồng tiền cám, thức ăn gia súc nhưng ông M – bà T chấp nhận đến ngày 17/01/2021 như giấy khất nợ đã ghi còn nợ ông T – bà P **7.098.000** đồng tiền phân bón, giống cây trồng, thuốc trừ sâu và 3.466.000 đồng tiền cám, thức ăn gia súc. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông M – bà T trả số tiền phân bón, giống

cây trồng, thuốc trừ sâu là 7.098.000 đồng và 3.466.000 đồng tiền cám, thức ăn gia súc. Tổng cộng là 10.564.000 đồng tiền hàng.

Năm 2020, ông M - bà T trả cho ông T - bà P số tiền là 2.000.000 đồng. Số tiền này hai bên thống nhất tính tiền tổng cộng lãi, gốc xong rồi trừ đi 2.000.000 đồng, số còn lại ông M – bà T phải trả cho ông T – bà P. Thỏa thuận này là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

Về tiền lãi: Đối với tiền phân bón, giống cây trồng, thuốc trừ sâu, ông Trần Thanh T cho rằng hai bên thỏa thuận miệng với nhau cuối năm không trả được nợ thì cộng dồn để tính lãi, còn bà T – ông M cho rằng hai bên không thỏa thuận tính lãi mà do ông T – bà P tự tính lãi. Mặc khác , việc ông T cho rằng ông M – bà T còn nợ ông số tiền 6.027.000 đồng tiền phân, giống cây trồng, thuốc trừ sâu nhưng ông M– bà T cho rằng chỉ nợ ông T – bà P số tiền 4.114.000 đồng tiền phân, giống cây trồng, thuốc trừ sâu nhưng chấp nhận có nợ ông T – bà P 7.098.000 đồng tiền giống cây trồng, phân bón, thuốc trừ sâu bằng giấy khát nợ ngày 17/01/2021. Sổ sách do ông T, bà P ghi. Ông T không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu tính lãi số tiền 7.098.000 đồng từ ngày 15/12/2009 đến ngày 16/01/2021.

Đối với lãi suất phát sinh, hai bên thống nhất lãi suất phát sinh là 0.83%/ tháng là phù hợp với quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận

Đối với việc ông T yêu cầu tính lãi từ ngày 17/01/2021 đến ngày xét xử, ngày 29/9/2022 là 19 tháng 12 ngày với lãi suất 0,83%/ tháng được các bên thống nhất và phù hợp với quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu tính lãi này và chỉ tính lãi trên số tiền hai bên chốt nợ ngày 17/01/2021 là : $7.098.000 \text{ đ} \times 0.83\% \times 19 \text{ tháng } 12 \text{ ngày} = 1.142.920 \text{ đồng}$

Đối với việc ông T yêu cầu tính lãi số tiền cám, thức ăn gia súc là 3.466.000 đồng từ ngày 17/01/2021 đến ngày 29/09/2022 là 19 tháng 12 ngày với lãi suất 0.83%/ tháng được các bên thống nhất và phù hợp với quy định của pháp luật. Tiền lãi phát sinh là: $3.466.000 \times 0.83\% \times 19 \text{ tháng } 12 \text{ ngày}$

=558.095 đồng nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tổng tiền lãi phát sinh tính từ ngày 17/01/2021 đến ngày 29/9/2022 là 19 tháng 12 ngày là 1.701.015 đồng.

Tổng cộng cả lãi và gốc là 10.564.000 đồng + 1.701.015 đồng = 12.265.015 đồng

Năm 2020, ông T, bà M trả cho ông T số tiền là 2.000.000 đồng. Như vậy còn 10.265.015 đồng, đề nghị Hội đồng xét xử buộc ông T – bà M trả cho ông T – bà P.

Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận số tiền lãi phát sinh mà ông T yêu cầu ông M – bà T phải trả là: 21.049.816 đ (tổng số yêu cầu cả gốc và lãi) – 10.564.000đ (số tiền chấp nhận tính đến ngày 17/01/2021) – 1.701.015 đ (tiền lãi chấp nhận từ ngày 17/01/2021 đến ngày 29/9/2022) = 8.784.801 đồng (lãi không chấp nhận).

Về án phí:

Một phần yêu cầu của nguyên đơn được đề nghị chấp nhận nên buộc bị đơn (ông M – bà T) chịu trách nhiệm nộp án phí DSST đối với số tiền 12.254.559 đồng theo quy định của pháp luật

Buộc ông T chịu trách nhiệm nộp án phí đối với yêu cầu không được chấp nhận đối với số tiền 8.784.801 đồng theo quy định của pháp luật..

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở lời trình bày của đương sự cũng như qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại thôn B, Dk, KB, tỉnh Đắk Lắk.

Ông Trần Thanh T yêu cầu Tòa án buộc bà Đặng Thị T và ông Nguyễn Văn M phải trả nợ tiền mua phân bón và cám thức ăn gia súc, đây là vụ án: Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá.

Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung vụ án:

Về số tiền nợ: Theo ông T thì vào năm 2009, ông M – bà T mua phân

bón, giống cây trồng, thuốc trừ sâu tại cửa hàng nhà ông T – bà P và còn nợ số tiền hàng là 6.027.000 đồng, tính đến ngày 15/12/2009 thì ông M – bà T còn nợ ông T số tiền là 7.098.000 đồng, trong đó 6.027.000 đồng tiền hàng còn 1.071.000 đồng tiền lãi. Còn bà T – ông M cho rằng, toàn bộ sổ sách do ông T – bà P ghi, vợ chồng ông, bà chỉ nợ ông T – bà P số tiền là 4.114.000 đồng tiền mua phân bón, giống cây trồng và thuốc trừ sâu nhưng ông M – bà T chấp nhận đến ngày 17/01/2021 như giấy khất nợ đã ghi còn nợ ông T – bà P số tiền là 7.098.000 đồng tiền phân bón, giống cây trồng và thuốc trừ sâu. Nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông M – bà T trả số tiền phân bón, giống cây trồng và thuốc trừ sâu là 7.098.000 đồng

Đối với tiền cám, thức ăn gia súc, các đương sự thống nhất: Ông M – bà T còn nợ ông T – bà P số tiền 3.466.000 đồng. Thỏa thuận này là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận và buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 3.466.000 đồng tiền cám, thức ăn gia súc.

Tổng cộng là 10.564.000 đồng tiền hàng.

Năm 2020, ông M – bà T trả cho ông T – bà P số tiền là 2.000.000 đồng. Số tiền này hai bên thống nhất tính tiền tổng cộng lãi, gốc xong rồi trừ đi 2.000.000 đồng, số còn lại ông M – bà T phải trả cho ông T – bà P. Thỏa thuận này là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

Về tiền lãi:

Đối với tiền phân bón, giống cây trồng, thuốc trừ sâu, ông Trần Thanh T cho rằng hai bên thỏa thuận miệng với nhau cuối năm không trả được nợ thì cộng dồn để tính lãi, còn bà T – ông M cho rằng hai bên không thỏa thuận tính lãi mà do ông T – bà P tự tính lãi. Mặc khác, việc ông T cho rằng ông M – bà T còn nợ ông số tiền 6.027.000 đồng tiền phân, giống cây trồng, thuốc trừ sâu nhưng ông M – bà T cho rằng chỉ nợ ông T – bà P số tiền 4.114.000 đồng tiền phân, giống cây trồng, thuốc trừ sâu nhưng chấp nhận có nợ ông T – bà P 7.098.000 đồng tiền giống cây trồng, phân bón, thuốc trừ sâu bằng giấy khất nợ ngày 17/01/2021. Sổ sách do ông T, bà P ghi. Ông T không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có cơ sở nên

không chấp nhận yêu cầu tính lãi số tiền 7.098.000 đồng từ ngày 15/12/2009 đến ngày 16/01/2021.

Đối với lãi suất phát sinh, hai bên thống nhất lãi suất phát sinh là 0.83%/tháng là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần ghi nhận sự thoả thuận này của các đương sự.

Đối với việc ông T yêu cầu tính lãi từ ngày 17/01/2021 đến ngày xét xử, ngày 29/9/2022 là 19 tháng 12 ngày với lãi suất 0,83%/ tháng được các bên thống nhất và phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận yêu cầu tính lãi này và chỉ tính lãi trên số tiền hai bên chốt nợ ngày 17/01/2021 đến ngày xét xử là ngày 29/9/2022 là : $7.098.000 \text{ đ} \times 0.83\% \times 19 \text{ tháng } 12 \text{ ngày} = 1.142.920 \text{ đồng}$

Đối với việc ông T yêu cầu tính lãi số tiền cám, thức ăn gia súc là 3.466.000 đồng từ ngày 17/01/2021 đến ngày 29/09/2022 là 19 tháng 12 ngày với lãi suất 0.83%/ tháng được các bên thống nhất và phù hợp với quy định của pháp luật. Tiền lãi phát sinh là: $3.466.000 \times 0.83\% \times 19 \text{ tháng } 12 \text{ ngày} = 558.095 \text{ đồng}$ nên cần chấp nhận.

Tổng tiền lãi phát sinh tính từ ngày 17/01/2021 đến ngày 29/9/2022 là 19 tháng 12 ngày là 1.701.015 đồng.

Tổng cộng cả gốc và lãi là $10.564.000 \text{ đồng} + 1.701.015 \text{ đồng} = 12.265.015 \text{ đồng}$

Năm 2020, ông T, bà M trả cho ông T số tiền là 2.000.000 đồng. Như vậy còn 10.265.015 đồng cần buộc ông T – bà M trả cho ông T – bà P.

Do vậy, không chấp nhận số tiền lãi phát sinh mà ông Tùng yêu cầu ông M – bà T phải trả là: $21.049.816 \text{ đ}$ (tổng số yêu cầu cả gốc và lãi) – $10.564.000 \text{ đ}$ (số tiền chấp nhận tính đến ngày 17/01/2021) – $1.701.015 \text{ đ}$ (tiền lãi chấp nhận từ ngày 17/01/2021 đến ngày 29/9/2022) = $8.784.801 \text{ đồng}$ (lãi không chấp nhận).

Về án phí:

Một phần yêu cầu của nguyên đơn được đề nghị chấp nhận nên cần buộc bị đơn (ông M – bà T) chịu trách nhiệm nộp án phí DSST đối với số tiền 12.265.015 đồng theo quy định của pháp luật

Tuy nhiên, ông M – bà T là các cá nhân hộ gia đình cận nghèo của địa

phương. Ông M – bà T cũng đã có đơn xin miễn, giảm tiền án phí. Vì vậy, áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Miễn toàn bộ án phí DSST cho ông M – bà T.

Cần buộc ông T chịu trách nhiệm nộp án phí đối với yêu cầu không được chấp nhận đối với số tiền 8.784.801 đồng theo quy định của pháp luật là: $8.784.801 \times 5\% = 439.240$ đồng

Xét đề nghị của Kiểm sát viên về việc xử lý vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 277; Điều 430 ; Điều 440 và Điều 468 Bộ luật dân sự;

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về số nợ : Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thanh T về việc buộc bà Đặng Thị T và ông Nguyễn Văn M trả số tiền 10.564.000 đồng tiền mua bán hàng hoá còn nợ. Trong đó tiền cám, thức ăn gia súc là 3.466.000 đồng; tiền phân, thuốc trừ sâu và giống cây trồng là 7.098.000 đồng .

Về tiền lãi: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thanh T, buộc bà Đặng Thị T và ông Nguyễn Văn M trả số tiền lãi phát sinh cho ông Trần Thanh T tính từ ngày 17/01/2021 đến ngày xét xử 29/9/2022 là 1.701.015 đồng.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thanh T về việc buộc ông M – bà T phải trả số tiền lãi phát sinh là 8.784.801 đồng .

Về án phí: Miễn toàn bộ án phí DSST cho ông M – bà T

Buộc ông Trần Thanh T phải nộp 439.240 đồng tiền án phí DSST đối với yêu cầu không được chấp nhận. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông Trần Thanh T đã nộp.

Trả lại cho ông Trần Thanh T số tiền tạm ứng án phí còn lại là 686.000đ – 439.240đ = 248.760 đồng theo biên lai số 00013073 ngày 30/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự
- VKSND huyện Krông Bông
- THADS huyện
- Lưu

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ
THẨM**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trương Thị Huế

